

Tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt

Nguyễn Thị Minh Tâm*

*Khoa Ngoại ngữ chuyên ngành, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 3 năm 2008

Tóm tắt: Tổ hợp cú là khái niệm được Halliday sử dụng khi nghiên cứu về các đơn vị ngữ pháp trên cú theo quan điểm chức năng hệ thống thay cho khái niệm câu vẫn được dùng trong ngữ pháp truyền thống. Tổ hợp cú được phân làm hai loại dựa trên mối quan hệ logic ngữ nghĩa thành tổ hợp cú bành trướng và tổ hợp cú phóng chiếu, theo mối quan hệ thứ bậc thành tổ hợp cú đẳng lập và tổ hợp cú chính phụ. Bài báo này tập trung khảo sát mối quan hệ phóng chiếu trong tổ hợp cú chính phụ trong tiếng Việt.

1. Dẫn luận

Con người sử dụng ngôn ngữ để phản ánh các hiện tượng của thế giới khách quan, trong đó các sự kiện ngôn ngữ cũng là một trong những hiện tượng được phản ánh. Nếu chúng ta đưa vào trong phát ngôn một sự kiện ngôn ngữ, chúng ta đang diễn tả ngôn ngữ chứ không phải diễn tả các hiện tượng phi ngôn ngữ. Bài viết này tập trung khảo sát một phần hiện tượng sử dụng ngôn ngữ để phản ánh các sự kiện ngôn ngữ. Đó là tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt.

Mục đích của bài viết là: (i) giải thích một số khái niệm về tổ hợp cú, hiện tượng phóng chiếu và một số khái niệm cần thiết phải làm rõ có liên quan đến nội dung nghiên cứu của bài viết; (ii) giải thích về mối quan hệ thứ bậc trong tổ hợp cú phóng chiếu; (iii) khảo sát đặc điểm tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt.

2. Một số khái niệm

2.1. Tổ hợp cú

Trong hoạt động giao tiếp, sự thống nhất về ngôn từ được tạo nên từ sự gắn kết giữa các thành phần. Mỗi phát ngôn phát ra đều là một chỉnh thể cấu thành nên từ các đơn vị ngữ pháp. Các đơn vị ngữ pháp này có mối quan hệ theo trục ngữ đoạn. Đơn vị ngữ pháp nhỏ nhất là hình vị, sau đến từ, ngữ, và cú. Các tiêu chí xác định đơn vị cú cũng rất đa dạng. Từ quan điểm logic - ngữ nghĩa, cú được xem là đơn vị diễn đạt một phán đoán. Theo quan điểm cấu trúc, cú được phân thành cú độc lập, cú chính và cú phụ thuộc. Theo quan điểm giao tiếp cú được phân loại theo thức nên có các cú nhận định, cú câu khiến, cú nghi vấn, và cú cảm thán. Trong văn bản viết, đơn vị ngữ pháp cao hơn cú là câu, một câu có thể gồm một hay nhiều cú nhưng trong văn bản nói, các phát ngôn được đưa ra rất khó có thể quy về câu. Bởi vậy khi muốn khảo sát đặc điểm các đơn vị ngữ pháp

*ĐT: 84-4-7541381

E-mail: tamntm_nncn@vnu.edu.vn

lớn hơn câu, khái niệm tổ hợp cú được lựa chọn vì khái niệm này là một khái niệm có thể tương đương với câu trong văn bản viết và các phát ngôn gồm nhiều hơn một cú trong văn bản nói. Theo Halliday [1], tổ hợp cú là một tập hợp hai hay nhiều cú trong đó có cú chính và các cú phụ bổ sung nghĩa cho cú chính. Các cú thành phần trong một tổ hợp cú được liên kết với nhau bởi quan hệ thứ bậc và quan hệ logic ngữ nghĩa.

2.2. Hiện tượng phóng chiếu

Hiện tượng phóng chiếu [2] hay xạ ảnh [3] là việc chuyển một sự việc nào đó vào một lời nói hay ý nghĩ khác, hiểu là bản hay phóng hình ảnh của sự việc đó vào một lời nói hay ý nghĩ. Hiện tượng này trước đây được gọi là dẫn lời, về sau thêm phần dẫn ý. Trong ngữ pháp chức năng, hiện tượng phóng chiếu được hiểu rộng hơn việc dẫn lời dẫn ý vì phóng chiếu bao gồm cả những động từ diễn đạt những cảm nhận khác như "tin", "thấy", "hiểu",... không chỉ gồm riêng các động từ chỉ sự nói năng và suy nghĩ.

Trong tổ hợp cú phóng chiếu, các cú thành phần gọi là cú phóng chiếu và cú được phóng chiếu. Các quá trình trong cú phóng chiếu là quá trình tinh thần như "nghĩ", "hi vọng", "tin" trong khi các quá trình trong cú bị phóng chiếu lại không bị hạn chế ở bất kỳ một kiểu cú cụ thể nào. Nếu quá trình trong cú phóng chiếu là quá trình phát ngôn thì cú được phóng chiếu là lời được dẫn (dẫn lời), nếu quá trình trong cú phóng chiếu là quá trình tinh thần thì cú được phóng chiếu là ý được dẫn (dẫn ý). Ví dụ:

Mẹ bảo: "Chân cứng đá mềm nhé!" (dẫn lời)

Bà Tư mời chị Tám chiều sang chơi. (dẫn ý)

Cú được phóng chiếu có thể là phán đoán (propositions), bao gồm nhận định (statements) và câu hỏi (questions), hay khiến nghị (proposals) bao gồm mệnh lệnh

(commands) và mời (offers). Hiện tượng phóng chiếu có thể được phân loại thành phóng chiếu trích nguyên (quotes) và phóng chiếu thông báo lại (reports). Ví dụ:

"Tôi nghĩ chúng ta đã có thêm nhiều kỳ quan mới." (nhận định)

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch Hoàng Tuấn Anh nói: "Tôi nghĩ chúng ta đã có thêm nhiều kỳ quan mới." (trích nguyên)

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch Hoàng Tuấn Anh cho rằng chúng ta đã có thêm nhiều kỳ quan mới. (thông báo lại)

"Ước mơ gì?" (câu hỏi)

Tôi lại hỏi: "Ước mơ gì?" (trích nguyên)

Tôi hỏi Nam xem cậu ta có ước mơ gì. (thông báo lại)

"Hiệp đỡ ông ngồi dậy". (mệnh lệnh)

Ông cụ bảo: "Hiệp đỡ ông ngồi dậy." (trích nguyên)

Ông cụ sai Hiệp đỡ ông ngồi dậy. (thông báo lại)

"Chiều qua tôi chơi đi." (mời)

Bà Tư rủ chị Tám: "Chiều qua tôi chơi đi." (trích nguyên)

Bà Tư mời chị Tám chiều sang chơi. (thông báo lại)

Quan hệ giữa các cú thành phần trong tổ hợp cú phóng chiếu có thể là quan hệ đẳng lập hoặc quan hệ chính phụ. Bài báo này khảo sát những đặc điểm của tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt dựa theo quan điểm chức năng hệ thống.

3. Sơ lược về mối quan hệ thứ bậc trong tổ hợp cú phóng chiếu

Trong một tổ hợp cú, hiện tượng phóng chiếu diễn ra khi cú này phóng chiếu ra cú kia. Cú được phóng chiếu được liên hệ với cú phóng chiếu bằng môi quan hệ được gọi là thứ bậc. Môi quan hệ này, theo ngữ pháp truyền thống thuộc hai kiểu được gọi là quan hệ đẳng lập và quan hệ phụ thuộc. Trong lý

thuyết chức năng, hai quan hệ này được gọi là quan hệ ngang bậc và dưới bậc.

Quan hệ ngang bậc hay đẳng lập chủ yếu xuất hiện trong phóng chiếu trích nguyên. Trong tổ hợp cú phóng chiếu đẳng lập, hai cú thành phần có vị thế ngang bằng nhau. Các cú thành phần trong tổ hợp cú đẳng lập được ký hiệu là 1 và 2. Trong ngôn bản viết, loại hình phóng chiếu này được đánh dấu bởi dấu ngoặc kép. Trong ngôn bản nói, cú phóng chiếu có đặc điểm ngữ âm kém nổi bật hơn cú được phóng chiếu. Chức năng của cú phóng chiếu đơn giản chỉ để chỉ ra rằng cú còn lại là phát ngôn được trích nguyên. Bản thân phần từ ngữ của cú được phóng chiếu không chỉ ra được rằng nó là cú được phóng chiếu. Các cú phóng chiếu chủ yếu là các quá trình phát ngôn hoặc các quá trình tinh thần. Ví dụ:

|||Mẹ bảo: ||"Chân cứng đá mềm nhé!"|||
 1 2

Quan hệ dưới bậc hoặc phụ thuộc xuất hiện chủ yếu trong phóng chiếu thông báo lại. Cú bị phóng chiếu được cho là có quan hệ không ngang bậc nếu nó là một cú bổ sung hay phụ thuộc vào cú phóng chiếu. Các cú thành phần được ký hiệu là α cho cú chính và β cho cú phụ thuộc. Cú phụ thuộc trong tổ hợp cú có một số đặc điểm nhất định: các yếu tố sơ chỉ được chuyển đổi cho phù hợp với tình huống phát ngôn và thì của động từ cũng được thay đổi cho phù hợp. Trong phóng chiếu thông báo lại, cú phóng chiếu phần lớn là các quá trình tinh thần, cụ thể là các quá trình nhận thức, và cú được phóng chiếu không phải là lời mà là ý. Ý được phóng chiếu chính là ngôn ngữ diễn tả ở tầng ngữ nghĩa, chứ không phải tầng ngữ pháp từ vựng. Chính bởi vậy chức năng lý tưởng của phóng chiếu thông báo lại là diễn tả ý chính của phát ngôn chứ không phải diễn tả nguyên văn của phát ngôn [4].

|||Yong kêu |mọi người im lặng|||.

α β

Hiện tượng phóng chiếu còn diễn ra ngay trong nội tại cú thành phần của một tổ hợp cú. Môi quan hệ giữa thành phần phóng chiếu và thành phần được phóng chiếu không phải là môi quan hệ giữa các cú thành phần với nhau mà là môi quan hệ giữa các thành phần của một danh ngữ thuộc một cú thành phần. Trong trường hợp này cú được phóng chiếu là cú bị bao, đóng chức năng hoặc là sự vật hoặc là một hậu bổ tố trong một danh ngữ. Danh từ làm thành phần phóng chiếu trong trường hợp này chính là tên gọi của lời hay ý, cú được phóng chiếu có vai trò định nghĩa cho danh từ này. Đôi khi cú phóng chiếu bị bao này được danh tính hóa để tồn tại ở dạng được phóng chiếu mà không cần một danh từ làm thành phần phóng chiếu đi kèm [5].

4. Tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt

Việc khảo sát các đặc điểm của tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt dựa trên 3 tiêu chí: đặc điểm của động từ phóng chiếu trong cú phóng chiếu, vị trí của cú phóng chiếu và cú được phóng chiếu, và sự khác biệt của cú được phóng chiếu so với phát ngôn gốc.

4.1. Động từ phóng chiếu trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ

Một trong những đặc điểm nổi bật của phóng chiếu thông báo lại là khi thông báo lại, chức năng giao tiếp của cú được phóng chiếu không rõ nên động từ phóng chiếu phải thể hiện rõ hơn chức năng đó.

Động từ phóng chiếu phụ thuộc vào thái độ của phát ngôn thể với phát ngôn được

phóng chiếu. Tuy nhiên một số động từ hàm chứa những đặc điểm liên nhân hay miêu tả thái độ, cảm giác, động tác, cử chỉ đi kèm phát ngôn được phóng chiếu trong tình huống giao tiếp như *thôn thốc, thờ dài, rạng rỡ, khúc khích, cười nhạt, vồ vể, v.v...* không được sử dụng trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ bởi chúng không bao hàm nét nghĩa "nói". Các động từ này chỉ được dùng để trích nguyên, đặc biệt trong các phát ngôn trần thuật. Ví dụ:

1a. Bà Tư Rêu *dậm chân vung tay*: "Nó không lấy tiền của chị, chị khen tốt phải rồi."

1b. Bà Tư Rêu *dậm chân vung tay* rằng *hắn không lấy tiền của chị Tám thì chị khen tốt là phải.**

2a. Bà chủ hàng *ái ngại*: "Uống nước không?"

2b. Bà chủ hàng *ái ngại* chúng tôi có uống nước không.*

3a. Người con *vồ vể*: "Thôi ba nghỉ cho khỏe nhé."

3b. Người con *vồ vể* ông cụ nghỉ cho khỏe.*

4a. Chị *cười nhạt*: "Nghề của chúng em vất vả lắm, có gì hay ho đâu chị."

4b. Chị *cười nhạt* rằng *nghề của các chị vất vả chẳng hay ho gì.**

Nếu tồn tại ngoài cảnh huống phóng chiếu trích nguyên, các động từ *dậm chân vung tay, ái ngại, vồ vể, cười nhạt* này không truyền tải được nét nghĩa "nói" mà chỉ truyền tải các hành động cử chỉ và thái độ của người nói đi kèm theo phát ngôn được phóng chiếu. Các tổ hợp cú phóng chiếu 1b, 2b, 3b, 4b vì vậy không tồn tại trong việc sử dụng ngôn ngữ của người Việt.

Bên cạnh đó có một số động từ chỉ đặc trưng dùng trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ mà không dùng trong các tổ hợp cú phóng chiếu đẳng lập. Bản thân nghĩa của các động từ này có chức năng ngôn ngữ quá rõ như tường thuật lại, nhắc lại ý chính của một phát ngôn khác, VD: *hàm ý, ám chỉ, v.v ...*

nên việc chúng đi kèm các phát ngôn trích nguyên mang đầy đủ chức năng giao tiếp là không phù hợp. Ví dụ:

5a. "Chúng ta chưa có đủ năng lực để chọn từ nhiều người ra một người."

5b. Đại biểu Dương Trung Quốc hàm ý rằng việc lựa chọn là không khả thi.

5c. Đại biểu Dương Trung Quốc hàm ý: "Chúng ta chưa có đủ năng lực để chọn từ nhiều người ra một người."*

6a. "Nó không lấy tiền của chị, chị khen tốt phải rồi."

6b. Bà Tư Rêu *ám chỉ* chị Tám là người vô trách nhiệm.

6c. Bà Tư Rêu *ám chỉ*: "Nó không lấy tiền của chị, chị khen tốt phải rồi."*

Chính bởi đặc điểm như trên, các động từ hàm ý và *ám chỉ* chỉ có thể được dùng trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ 5b và 6b vì quá trình phóng chiếu sử dụng trong tổ hợp cú này là phóng chiếu thông báo lại. Các tổ hợp cú đẳng lập 5c và 6c sử dụng quá trình phóng chiếu trích nguyên nên sự xuất hiện của hai động từ này là không hợp lý.

Ngoài ra trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ, qua quá trình phóng chiếu thông báo lại, chức năng giao tiếp hay thức của phát ngôn gốc không được thể hiện rõ trong cú được phóng chiếu. Thức là môi quan hệ của hành động do động từ thể hiện với hiện thực theo quan điểm của người nói. Thức trong tiếng Việt bao gồm thức chỉ định gồm thức tuyên bố và thức nghi vấn (hữu cực và phi cực) và thức cầu khiến (kể cả người nói hay không kể người nói). Theo quan điểm của ngữ pháp truyền thống thức cảm thán độc lập với thức chỉ định nhưng theo quan điểm của ngữ pháp chức năng, thức cảm thán chỉ là một bộ phận đặc biệt của thức chỉ định.

Chính bởi chức năng giao tiếp hay thức của phát ngôn gốc không được thể hiện rõ trong cú được phóng chiếu nên quá trình

phóng chiếu, cụ thể là động từ phóng chiếu phải cụ thể hóa chức năng giao tiếp này. Động từ phóng chiếu phụ thuộc vào thức của phát ngôn được phóng chiếu, đặc biệt khi phát ngôn đó là một khiến nghị hay một cú thông tin ở thức nghi vấn. Việc sử dụng những động từ trung tính như "nói" không thể hiện được hết chức năng của phát ngôn gốc. Ví dụ:

7a. "Ước mơ gì?"

7b. Tôi hỏi Nam rằng cậu ta có ước mơ gì.

7c. Tôi lại nói Nam rằng cậu ta có ước mơ gì.*

8a. "Đi ra ngoài mau lên!".

8b. Ông lão ra lệnh cho đứa cháu đi ra ngoài.

8c. Ông lão nói đứa cháu đi ra ngoài.*

Như minh họa trong ví dụ trên đây, tổ hợp cú 7c và 8c do sử dụng động từ nói là động từ mang tính chất trung tính, không diễn tả được thức, được mục đích giao tiếp của phát ngôn gốc nên không phóng chiếu được trung thực, nguyên vẹn phát ngôn 7, 8. Hai động từ hỏi thể hiện được thức nghi vấn của phát ngôn gốc 7 và ra lệnh diễn tả được thức của phát ngôn gốc là câu khiến. Do vậy hai tổ hợp cú 7b và 8b phóng chiếu được khá hoàn hảo phát ngôn gốc.

4.2. Vị trí của cú phóng chiếu và cú được phóng chiếu trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ

Như đã đề cập, trong tổ hợp cú phóng chiếu các cú thành phần có thể đóng chức năng là cú phóng chiếu hay cú được phóng chiếu. Cú phóng chiếu có thể đứng trước, đứng sau hay thậm chí nằm xen kẽ trong nội bộ cú được phóng chiếu như trong các ví dụ dưới đây:

9. Bà Chín ngờ vực hỏi: "Xấu là thế nào?"

10. Yơng kêu mọi người yên lặng.

11. "Cải tạo vườn tạp," ông dặn, "nhưng nhớ giữ lại mấy bụi tre."

12. Kỳ thực nó chỉ là ảo ảnh đánh lừa mắt, các nhà khoa học nói, và nó chẳng liên quan gì đến bất cứ ảnh hưởng nào của bầu khí quyển.

13. "Anh tên gì?" tôi hỏi.

Trong khi cú phóng chiếu trong tổ hợp cú phóng chiếu đẳng lập có thể là phía trước, phía sau hay đứng xen kẽ trong nội bộ cú được phóng chiếu, cú phóng chiếu trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ tiếng Việt không thể đứng sau cú được phóng chiếu. Do vậy việc chuyển tổ hợp cú phóng chiếu 13 khi từ dạng đẳng lập sang chính phụ sẽ đưa cú phóng chiếu về vị trí đứng trước cú được phóng chiếu

Tôi hỏi anh ta tên là gì.

Hiện tượng cú phóng chiếu đứng xen kẽ trong nội bộ cú được phóng chiếu của tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ như trong tổ hợp cú 10 cũng có thể bị coi là cách sử dụng ngôn ngữ ngoại lai, không thuần Việt. Thông thường cách sắp xếp cú phóng chiếu như vậy trong tổ hợp cú phóng chiếu như vậy cũng đa phần xuất hiện trong các văn bản dịch từ tiếng nước ngoài vì khi dịch, ít nhiều dịch giả bị ảnh hưởng của văn phong nước ngoài và đôi khi vô tình mượn cách diễn đạt, cách sắp xếp trật tự của tiếng nước ngoài, không thuần tiếng Việt.

4.3. Sự khác biệt giữa cú được phóng chiếu và phát ngôn gốc trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ

Trong phóng chiếu chính phụ, quá trình phóng chiếu được sử dụng là phóng chiếu thông báo lại nên cú được phóng chiếu chỉ giữ chức năng truyền tải ý chính của phát ngôn được phóng chiếu, không giữ nguyên được toàn bộ các đặc điểm của phát ngôn gốc. Các yếu tố sở chỉ và thời gian trong phát ngôn gốc được chuyển đổi cho phù hợp với tình huống phát ngôn, với góc nhìn của phát ngôn thể trong cú phóng chiếu. Khác với các ngôn ngữ biến hình, động từ trong cú được phóng chiếu trong tiếng Việt không biến dạng mà sử dụng phụ từ để thể hiện sự thay đổi về thời gian cho phù hợp với hoàn cảnh

phóng chiếu. Một số các thành phần như ngữ thái từ *à, ư, nhi, nhé*, các tiểu từ đi kèm động từ như *hãy, đừng, chớ*, các thán từ, quán ngữ cảm thán như *ô, ôi, úi chà, trời đất ơi* hay các thành phần hô gọi như *này..., thưa..., hỡi...* không xuất hiện trong cú được phóng chiếu trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ. Ví dụ:

10a. Anh ta toe toét cười hỏi ông trung tá: "Có chuyện gì ở đây vậy, thưa trung tá?"

10b. Anh ta toe toét cười hỏi ông trung tá xem có chuyện gì xảy ra ở đó.

11a. Ba Tý thẳng thắn yêu cầu tôi: "Hôm nay tôi chỉ làm cho anh thôi."

11b. Ba Tý thẳng thắn yêu cầu tôi rằng ngày hôm đó anh ta chỉ làm cho tôi thôi.

Như trong các ví dụ trên đây, các yếu tố sở chỉ được chuyển đổi cho phù hợp với tình huống phóng chiếu: trạng từ địa điểm ở đây trong phát ngôn gốc đã được chuyển thành ở đó, trạng từ thời gian hôm nay thành hôm đó, đại từ nhân xưng tôi thành anh ta và anh chuyển thành tôi. Cụm từ hô gọi thưa trung tá cũng bị tinh lược qua quá trình phóng chiếu thông báo lại.

Trong một số ngôn ngữ, thức của các phát ngôn được phóng chiếu thông qua quá trình phóng chiếu thông báo lại không được lưu giữ như trong các ví dụ tiếng Anh dưới đây:

12a. "The transit system is not the original target" (thức tuyên bố).

("Hệ thống trung chuyển không phải là mục tiêu được định trước từ đầu.").

12b. They believed the transit system was not the original target. (thức tuyên bố).

Họ tin rằng hệ thống trung chuyển không phải là mục tiêu được định trước từ đầu.

13a. "Am I dreaming?" (thức nghi vấn, hữu cực)
("Có phải tôi đang mơ không?")

13b. Jilla wondered if/whether she was dreaming or not. (thức tuyên bố).

(Jilla băn khoăn không biết có phải mình đang mơ không).

14a. "Who knows where?" (thức nghi vấn, vô cực)
("Ai là người biết chỗ đó ở đâu?").

14b. She asked me again who knew where. (thức tuyên bố).

(Cô hỏi lại tôi xem ai là người biết chỗ đó ở đâu)

15. "How wonderful!" (thức cảm thán)

("Tuyệt thật!").

15b. The man said that the scene was wonderful. (thức tuyên bố).

(Người đàn ông nói quang cảnh thật là tuyệt vời.)

16a. "Go out!" (thức mệnh lệnh)

("Ra ngoài!")

16b. The Duke asked the servant to go out. (thức tuyên bố).

Ngài Bá Tước ra lệnh cho anh hầu ra ngoài.

Như trong các ví dụ trên đây, thức của các phát ngôn 12a, 13a, 14, 15a, 16a qua quá trình phóng chiếu thông báo lại đều biến đổi sang thức tuyên bố, đặc biệt thức của phát ngôn 12a là nghi vấn hữu cực nên khi được phóng chiếu có thêm *if/whether* đi kèm

Trong tiếng Việt qua quá trình phóng chiếu thông báo lại, các thức của cú được phóng chiếu cũng có sự thay đổi so với thức của phát ngôn gốc như vậy. Ví dụ:

17a. "Trí nhớ dài hạn chỉ có ở loài người." (thức tuyên bố).

17b. Trước đây người ta cho rằng trí nhớ dài hạn chỉ có ở loài người. (thức tuyên bố).

18a. "Anh thấy nơi này thế nào?" (thức nghi vấn, phi cực).

18b. Khương hỏi tôi thấy nơi đó thế nào. (thức tuyên bố).

19a. "Anh có thích nơi này không?" (thức nghi vấn, hữu cực).

19b. Khương hỏi tôi có thích nơi này không. (thức tuyên bố).

20a. "Khương thật đẹp!" (thức cảm thán)

20b. Tôi thốt lên rằng Khương thật đẹp. (thức tuyên bố).

21a. "Cải tạo vườn tạp nhưng nhớ giữ lại mấy bụi tre." (thức mệnh lệnh).

21b. Ông dặn con cháu cải tạo vườn tạp nhưng nhớ giữ lại mấy bụi tre. (thức tuyên bố).

Trong các ví dụ trên, thức của các phát ngôn 18a, 19a, 20a, 21a đều không được giữ nguyên mà chuyển thành thức tuyên bố qua quá trình phóng chiếu thông báo lại. Như vậy, trừ các phát ngôn có thức tuyên bố, các phát ngôn còn lại trong tiếng Việt không lưu giữ được thức.

Tóm lại, quá trình phóng chiếu thông báo lại có thể không lưu giữ được mọi thành phần, đặc điểm của phát ngôn gốc trong cú được phóng chiếu.

5. Kết luận

Như đã chỉ ra ở phần dẫn luận, mục đích của bài viết này là khảo sát các đặc điểm của tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt. Quá trình khảo sát đã thu được một kết quả ban đầu về đặc điểm của tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt dựa trên quan điểm chức năng hệ thống. Xét về đặc điểm của động từ dùng để phóng chiếu trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ, các động từ này phụ thuộc vào thái độ của phát ngôn thể đôi với phát ngôn được phóng chiếu và thức của phát ngôn được phóng chiếu. Một số động từ hàm chứa các đặc điểm liên nhân hay miêu tả thái độ, cảm giác, động tác, cử chỉ đi kèm phát ngôn không được sử dụng làm động từ trong quá trình phóng chiếu của tổ hợp cú chính phụ. Bên cạnh đó, một số động từ có chức năng ngôn ngữ quá rõ như tường thuật lại, nhắc lại ý chính của một phát ngôn khác lại là đặc trưng của quá trình phóng chiếu trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ vì chúng không được dùng trong tổ hợp cú phóng chiếu đấng

lập. Về vị trí của cú phóng chiếu và cú được phóng chiếu, cú phóng chiếu trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ trong tiếng Việt không bao giờ đứng sau cú được phóng chiếu, rất hiếm khi đứng xen kẽ trong nội bộ cú được phóng chiếu mà chủ yếu đứng trước cú được phóng chiếu. Về sự khác biệt giữa cú phóng chiếu và phát ngôn gốc, cú được phóng chiếu chỉ truyền tải ý chính của phát ngôn gốc nên rất nhiều thành phần như các yếu tố sở chỉ và thời gian bị thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh phát ngôn, các ngữ thái từ, quán ngữ cảm thán, hay các thành phần hô gọi bị tinh lược qua quá trình phóng chiếu thông báo lại. Thức của phát ngôn gốc cũng phần lớn không được lưu giữ trong cú được phóng chiếu. Các đặc điểm của tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ tiếng Việt trình bày trên đây là những đặc điểm cơ bản nhất được tìm ra trong quá trình khảo sát. Với những kết quả khảo sát thu được như trên, bài báo này góp phần làm rõ khái niệm về quá trình phóng chiếu trong tiếng Việt, cụ thể là trong tổ hợp cú phóng chiếu chính phụ.

Tài liệu tham khảo

- [1] M.A.K. Halliday, *An Introduction to Functional Grammar*, London: Arnold, 1994.
- [2] Hoàng Văn Vân, *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt: Mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005.
- [3] Diệp Quang Ban, *Ngữ Pháp Việt Nam: Phân câu*. Hà Nội, NXB Đại Học Sư Phạm, 2004.
- [4] Nguyễn Thị Minh Tâm, *Quan hệ phóng chiếu trong tổ hợp cú tiếng Anh và tiếng Việt - So sánh trên quan điểm chức năng hệ thống*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Luận Văn Thạc Sĩ, 2007.
- [5] Hoàng Văn Vân, *Nghiên cứu dịch thuật*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005.

Hypotactic clause complexes of projection in Vietnamese

Nguyen Thi Minh Tam

*Department of Foreign Languages for Special Purposes, College of Foreign Languages,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Clause complexes is a term used by Halliday in his Systemic Functional Grammar works as the grammatical unit above the clause instead of the traditional term « sentence ». Clause complexes are categorised in terms of logical dependency relation into paratactic clause complexes and hypotactic clause complexes. Regarding the logico-semantic relation, clause complexes are divided into the relation of expansion and the relation of projection. This study aims to investigate on the features of hypotactic clause complexes of projection in Vietnamese.